TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09/9/2024
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:1. Ông Phan Thành Phước

2. Ông Hồ Văn Thái

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Đinh Thị Huyền Đăng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 93/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2024 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 142/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2024 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Bà Lê Thị Thanh P, sinh năm 1981;

Địa chỉ: khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

***Bị đơn*:** Ông Phạm Văn L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh B – Phòng giao dịch huyện M – đại diện theo pháp luật ông Huỳnh Hiếu T, Giám đốc Phòng giao dịch.

(*Bà P và ngân hàng C Phòng giao dịch huyện M có đơn xin xét xử vắng mặt, ông L vắng mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2024, bản tự khai ngày 25/4/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Thanh P trình bày:

Bà và ông Phạm Văn L do quen biết, sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là UBND thị trấn P), huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 16/02/2009. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông L thường xuyên uống rượu, về nhà thì kiếm chuyện với bà, bà nhiều lần khuyên can nhưng ông L không thay đổi. Ông L còn đánh bà nhiều lần, do cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên bà đã thuê nhà trọ sống riêng khoảng 06 tháng nay. Trong thời gian ly thân thì ông L cũng có tìm cách hàn gắn nhưng bà không đồng ý. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông L nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Khi ly hôn bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng giữa vợ chồng.

- *Về nuôi con chung:* vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Minh S, sinh ngày 31/5/2009. Khi nộp đơn khởi kiện bà yêu cầu nuôi con chung nhưng nay bà thay đổi yêu cầu, tôn trọng nguyện vọng của con, bà để cho ông L nuôi con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* vợ chồng có khoảng 2.000 m^2 đất của cha mẹ chồng cho nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 02 con bò. Tài sản chung khi khởi kiện bà yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Có nợ ngân hàng C chi nhánh tỉnh B – Phòng giao dịch huyện M số tiền 50.000.000 đồng. Nay bà đồng ý trả ½ số nợ là 25.000.000 đồng cho Ngân hàng khi khoản nợ vay này đến hạn.

Theo nội dung tại biên bản hòa giải ngày 25/4/2024 bị đơn ông Phạm Văn L trình bày: ông thống nhất với trình bày của bà P về quá trình quen biết, cũng như việc đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà P thời gian khoảng 08 tháng trở lại đây đã bỏ nhà đi bán vé số, đi ở trọ chỗ nào ông không biết, không tìm được bà P. Đến khi tìm được thì cũng có năn nỉ vợ về nhưng bà P không đồng ý do đó có hôm bà P trở về nhà thì ông có tức giận và có đánh bà P. Nay bà P xin ly hôn thì ông không đồng ý do còn thương vợ và muốn con cái có cha có mẹ đủ đầy.

- *Về con chung:* có 01 con chung tên Phạm Minh S, sinh ngày 31/5/2009. Khi ly hôn thì ông tôn trọng nguyện vọng của con.

- *Về tài sản chung:* không có, những tài sản bà P trình bày là không đúng, con bò là của cha ruột ông cho ông để nuôi và gây giống từ trước đến giờ. Còn đất đai thì vẫn chưa làm thủ tục thừa kế xong, ông không có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất nào cả.

- *Về nợ chung:* Có nợ ngân hàng C chi nhánh tỉnh B – Phòng giao dịch huyện M số tiền 50.000.000 đồng. Ông yêu cầu chia đôi số tiền nợ chung này, mỗi người trả cho Ngân hàng 25.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C chi nhánh tỉnh B – Phòng giao dịch huyện M *(sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có đơn yêu cầu độc lập:* Yêu cầu thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay 50.000.000 đồng, yêu cầu ông L và bà P liên đới cùng trả số tiền vay của ngân hàng. Cụ thể số tiền gốc là 50.000.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận ký kết giữa các bên cho đến khi trả tất nợ.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định về nghĩa vụ của mình, cụ thể còn vắng mặt trong những lần Tòa án mời.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể: Về hôn nhân: bà Lê Thị Thanh P được ly hôn với ông Phạm Văn L; Về con chung: ông L được trực tiếp nuôi con chung là Phạm Minh S, sinh ngày 31/5/2009; bà P không phải cấp dưỡng nuôi con do ông L không có yêu cầu; Về tài sản chung: bà P và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét; Về nợ chung: đề nghị ghi nhận sự thống nhất của bà P và ông L về nợ chung mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng ½ số tiền nợ theo hợp đồng vay đã thỏa thuận ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Bị đơn Phạm Văn L có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống, có mặt tại thị trấn P, huyện M nên căn cứ khoản 1, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa

án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Bị đơn vắng mặt không có lý do lần thứ hai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà P và ông L xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là UBND thị trấn P), huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 16/02/2009. Xét thấy, hôn nhân của bà P và ông L đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc bà P xin ly hôn. Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà P cho rằng: nguyên nhân vợ chồng mất hạnh phúc là do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, ông L thường hay uống rượu rồi kiếm cớ đánh đập bà,… Trong quá trình giải quyết vụ án ông L cũng trình bày thống nhất về việc có đánh bà P và cũng có sự việc bà P đã ra ở trọ nhiều tháng nay.

[4] Hội đồng xét xử thấy rằng theo trình bày của bà P thì vợ chồng bà do nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến mâu thuẫn. Bà đã nhiều lần cố gắng hàn gắn và nói chuyện với ông L để tìm cách khắc phục mâu thuẫn gia đình nhưng hai vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung, dẫn đến việc bà P khởi kiện xin ly hôn. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành mời ông L đến Tòa nhiều lần để hòa giải, tạo điều kiện hàn gắn hôn nhân cho ông bà nhưng ông L chỉ đến tham gia hòa giải một lần, sau đó thì vắng mặt không có lý do. Trong lúc hòa giải ông L không đề xuất được giải pháp nào để hàn gắn hôn nhân. Trong khi đó, bà P kiên quyết ly hôn cho rằng không còn tình cảm với ông L.

Tại văn bản xác nhận với trưởng khu phố P, thị trấn Phước Mỹ T thì được cung cấp thông tin *"vợ chồng bà P và ông L có từng ở riêng rồi về hàn gắn rồi lại tiếp tục đi thuê nhà trọ sống riêng..."*. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn hôn nhân của bà P và ông L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P là phù hợp.

[5] Khi ly hôn bà P không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Minh S, sinh ngày 31/5/2009. Khi ly hôn bà P yêu cầu nuôi con chung, nhưng sau đó thay đổi yêu

cầu, đồng ý để ông L nuôi con, bà P không cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên của cháu Phạm Minh S thì cháu S cũng có nguyện vọng được sống cùng với ông L, điều này cũng phù hợp với yêu cầu của bà P về vấn đề con chung. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của con chung và phù hợp với nguyện vọng của con nên tiếp tục giao cháu S cho ông L nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do ông L không có yêu cầu nên bà P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung: bà P trình bày tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Trường hợp các bên có tranh chấp về tài sản chung thì được quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[8] Về nợ chung: Bà P và ông L cùng trình bày thống nhất về khoản nợ chung của Ngân hàng là số tiền 50.000.000 đồng và thống nhất đồng ý chia đôi khoản nợ chung này mỗi người trả cho ngân hàng số tiền 25.000.000 đồng và ½ tiền lãi phát sinh cho đến khi trả tất nợ nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thống nhất của bà P và ông L. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng.

[9] Về án phí ly hôn: bà Lê Thị Thanh P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[10] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh P .

Bà Lê Thị Thanh P được ly hôn với ông Phạm Văn L.

2. Về nuôi con chung: 01 con chung tên Phạm Minh S, sinh ngày 31/5/2009. Sau khi ly hôn ông L là người trực tiếp nuôi con chung (hiện nay cháu S đang sống với ông L), bà P không phải cấp dưỡng nuôi con do ông L không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh

hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị Thanh P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C chi nhánh tỉnh B – Phòng giao dịch huyện M.

Buộc bà Lê Thị Thanh P và ông Phạm Văn L mỗi người có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 25.000.000 đồng và ½ tiền lãi theo thỏa thuận đã ký kết giữa các bên cho đến khi trả tất nợ.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Thanh P phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004513 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nên không còn phải nộp thêm.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKS nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã Phước Mỹ Trung (nay là TT Phước Mỹ Trung), số 06 ngày 16/02/2009;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Thanh Minh